

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC-TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV**

Số 4970 /NĐCP-KHĐT-VT

V/v báo giá dịch vụ Kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống
quan trắc nước thải tự động và hệ thống quan trắc khí
thải của công ty

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Quý Công ty và các đơn vị quan tâm

Trước tiên, Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý đơn vị trong thời gian qua.

Hiện tại, Công ty chúng tôi có nhu cầu thuê ngoài dịch vụ Kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống quan trắc nước thải tự động và hệ thống quan trắc khí thải của công ty.

Để có cơ sở lập dự toán và lựa chọn được đơn vị thực hiện công việc trên, Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá dịch vụ theo bảng khối lượng chi tiết đính kèm.

- Địa điểm thực hiện: tại Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV

- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của đơn vị ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của đơn vị kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý đơn vị xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Hình thức báo giá: chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp

- Địa chỉ nhận báo giá: Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư, Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, tổ 4 khu 4A phường Cửa Ông tỉnh Quảng Ninh.

- Email: khdtvt.ndcp@gmail.com

- Cán bộ phụ trách nghiệp vụ: Trần Thị Minh Nguyệt, điện thoại 0984 475 686

- Cán bộ phụ trách kỹ thuật: Lương Quang Minh, điện thoại 0988 514 983

Thời gian báo giá chậm nhất vào 15h00 ngày 03 tháng 12 năm 2025

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của Quý đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang web TCTĐL-TKV (đăng tải);
- Trang web TKV (đăng tải);
- Phòng KH-ĐT-VT;
- Lưu VT, TTMN⁽²⁾.



Dương Hồng Hải

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BẢO GIÁ
(Đính kèm công văn số 4970 /NĐCP-KHĐTVT ngày 28 /11/2025)

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Nội dung	Số điểm Hiệu chuẩn/Kiểm định
I	Kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo trạm quan trắc nước thải tự động				
1	Trạm quan trắc nước làm mát				
1.1	Thiết bị đo lưu lượng nước làm mát	Bộ	2	Hiệu chuẩn	1-3 điểm
1.2	Máy phân tích kiểm soát clo dư	Bộ	1	Kiểm định	1 điểm
1.3	Nhiệt kế điện trở RTD	Bộ	1	Hiệu chuẩn	1-3 điểm
2	Trạm quan trắc xử lý nước thải				
2.1	Lưu lượng kế điện từ DN110	Bộ	3	Hiệu chuẩn	1-3 điểm
2.2	Thiết bị đo PH	Bộ	1	Kiểm định	3 điểm
2.3	Thiết bị đo nhiệt độ	Bộ	1	Kiểm định	1-3 điểm
2.4	Thiết bị đo TSS	Bộ	1	Kiểm định	4 điểm (1 điểm O và 3 điểm nồng độ)
2.5	Thiết bị đo amoni	Bộ	1	Kiểm định	4 điểm (1 điểm O và 3 điểm nồng độ)
2.6	Máy phân tích COD	Bộ	1	Kiểm định	4 điểm (1 điểm O và 3 điểm nồng độ)
II	Kiểm định, hiệu chuẩn hệ thống thiết bị quan trắc khí thải tự động				
1	Hệ thống thiết bị Quan trắc khí thải tự động của lò hơi số 1, số 2, số 3, số 4				
1.1	Thiết bị đo lưu lượng khí	Bộ	04	Hiệu chuẩn	1 điểm/thiết bị
1.2	Thiết bị đo nhiệt độ	Bộ	04	Hiệu chuẩn	1 điểm/thiết bị
1.3	Thiết bị đo nồng độ khí NOx	Bộ	04	Kiểm định	3 điểm/thiết bị (3 điểm nồng độ nằm trong khoảng 20±10%, 40±10%, 80±10% dải đo của thiết bị)
1.4	Thiết bị đo nồng độ khí SO ₂	Bộ	04	Kiểm định	3 điểm/thiết bị (3 điểm nồng độ nằm trong khoảng 20±10%, 40±10%,



TT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Nội dung	Số điểm Hiệu chuẩn/Kiểm định
					80±10% dải đo của thiết bị)
1.5	Thiết bị đo nồng độ khí O ₂	Bộ	04	Kiểm định	3 điểm/thiết bị (3 điểm nồng độ nằm trong khoảng 20±10%, 40±10%, 80±10% dải đo của thiết bị)
1.6	Thiết bị đo nồng độ bụi	Bộ	04	Kiểm định	1 điểm/thiết bị
2	Hệ thống thiết bị Quan trắc khí thải tự động của Tổ máy số 1, số 2				
1.1	Thiết bị đo lưu lượng khí	Bộ	02	Hiệu chuẩn	1 điểm/thiết bị
1.2	Thiết bị đo nhiệt độ	Bộ	02	Hiệu chuẩn	1 điểm/thiết bị
1.3	Thiết bị đo nồng độ khí NO _x	Bộ	02	Kiểm định	3 điểm/thiết bị (3 điểm nồng độ nằm trong khoảng 20±10%, 40±10%, 80±10% dải đo của thiết bị)
1.4	Thiết bị đo nồng độ khí SO ₂	Bộ	02	Kiểm định	3 điểm/thiết bị (3 điểm nồng độ nằm trong khoảng 20±10%, 40±10%, 80±10% dải đo của thiết bị)
1.5	Thiết bị đo nồng độ khí O ₂	Bộ	02	Kiểm định	3 điểm/thiết bị (3 điểm nồng độ nằm trong khoảng 20±10%, 40±10%, 80±10% dải đo của thiết bị)
1.6	Thiết bị đo nồng độ khí CO	Bộ	02	Kiểm định	3 điểm/thiết bị (3 điểm nồng độ nằm trong khoảng 20±10%, 40±10%, 80±10% dải đo của thiết bị)
1.7	Thiết bị đo nồng độ bụi	Bộ	02	Kiểm định	1 điểm/thiết bị
1.8	Thiết bị đo áp suất khí thải	Bộ	02	Hiệu chuẩn	1 điểm/thiết bị

